

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 01 – 2018

V/v “Tranh chấp về chia tài sản của
nam, nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Súa
2. Ông Thi Văn Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 635/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 876/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Ng đơn:* Chị Huỳnh Hồng Th (Huỳnh), sinh năm: 1980, (có mặt).

Địa chỉ: Số 102, Nguyễn Trãi, khóm 2, phường 9, thành phố C, tỉnh Y.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ng đơn: Ông Nguyễn Văn Nuôi là Luật sư của Công ty trách nhiệm hữu hạn luật – Luật Sống thuộc Đoàn luật sư tỉnh Y (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Trung Ng, sinh năm: 1962, (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Năm C, huyện Năm C, tỉnh Y.

Nơi làm việc: Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc H, tỉnh Y.

Tạm trú: Khóm 2, phường 9, thành phố C, tỉnh Y.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TH T.

Địa chỉ: Số 266 – 268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp.H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Minh Kh – Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TH T Cà Mau (theo Giấy ủy quyền ngày 08/11/2017), (xin vắng mặt).

- Chị Phan Thị H, sinh năm: 1960, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 162, Nguyễn Tất Th, khóm 1, phường 8, Tp.C, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị Huỳnh Hồng Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Trung Ng xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 2012, không tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, do anh Ng xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị trước bạn bè, đồng nghiệp, thậm chí đánh đập chị nên vợ chồng chị luôn bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, không thể hòa hợp được với nhau, do đó, chị và anh Ng đã tự ly thân từ thời điểm đó đến nay.

Từ nội dung trên, chị nhận thấy tình cảm của chị và anh Ng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng.

- Về con chung: Chị Th xác định giữa chị và anh Ng không có con chung.

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện ngày 10/8/2017, chị Th xác định giữa chị và anh Ng không có tài sản chung. Tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2017, chị Th xác định giữa chị và anh Ng có các tài sản chung gồm: 01 tủ lạnh Sam sung trị giá 5.000.000đ; 01 dàn Karaoke (gồm Tivi, đầu đĩa, loa) trị giá 10.000.000đ; 01 bộ salon trị giá 10.000.000đ; 01 máy lạnh Mitsubishi trị giá 4.000.000đ. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị các tài sản trên cho chị. Riêng phần đất và căn nhà cất trên đất tọa lạc tại số 102, Nguyễn Trãi, khóm 2, phường 9, thành phố C, tỉnh Y là tài sản riêng của chị; 01 xe SH 150i biển kiểm soát 69K1-077.78 do anh Ng đứng tên là tài sản riêng của anh Ng nên chị không yêu cầu phân chia.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Th xác định tài sản chung của chị và anh Ng gồm: 01 xe SH 150i biển kiểm soát 69K1-077.78 do anh Ng đứng tên trị giá 120.000.000đ; 01 tủ lạnh Sam sung trị giá 5.000.000đ; 01 dàn Karaoke (gồm Tivi, đầu đĩa, loa) trị giá 10.000.000đ; 01 bộ salon trị giá 10.000.000đ; 01 máy lạnh Mitsubishi trị giá 4.000.000đ. Chị yêu cầu chia đôi các tài sản trên.

Về nợ chung: Trong đơn khởi kiện ngày 10/8/2017, chị Th xác định giữa chị và anh Ng không có nợ chung. Tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2017 và tại phiên tòa hôm nay, chị Th khai rằng giữa chị và anh Ng có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TH T chi nhánh Cà Mau số tiền 350.000.000đ; nợ chị Phan Thị H số tiền 190.000.000đ. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu Tòa án buộc anh Ng phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cùng chị.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 26/10/2017, bị đơn Lưu Trung Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th chung sống nhau như vợ chồng từ năm 2012, không tổ chức hỏi cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vẫn hạnh phúc, khoảng năm 2015 trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Ng nhân do chị Th không tôn trọng anh, muốn đi đâu, làm gì, với ai thì anh không

được biết nên vợ chồng luôn cãi nhau và tự ly thân nhau khoảng đầu năm 2017 đến nay. Nay chị Th xin ly hôn với anh, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh xác định không có.

- Về tài sản chung: Anh xác định không có. Tài sản riêng của chị Th là phần đất và căn nhà cất trên đất tọa lạc tại số 102, Nguyễn Trãi, khóm 2, phường 9, thành phố C, tỉnh Y. Tài sản riêng của anh gồm 01 xe SH 150i biển kiểm soát 69K1-077.78 do anh đứng tên; 01 tủ lạnh Sam sung trị giá 5.000.000đ; 01 dàn Karaoke (gồm Tivi, đầu đĩa, loa) trị giá 10.000.000đ; 01 bộ salon trị giá 10.000.000đ; 01 máy lạnh Mitsubishi trị giá 4.000.000đ, anh yêu cầu nhận lại, không đồng ý phân chia.

- Về nợ chung: Anh xác định không có.

* Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TH T chi nhánh Cà Mau (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngày 10/01/2017, chị Huỳnh Hồng Th có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay khoản nợ 350.000.000đ. Tài sản thế chấp là toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 115, tờ bản đồ 87, diện tích 84,75m², tọa lạc tại phường 9, thành phố C. Ngày 20/4/2017, chị Th đã mở thẻ tín dụng hạn mức 35.000.000đ. Hiện khoản vay và thẻ tín dụng của chị Th chưa phát sinh nợ quá hạn, cũng chưa xảy ra tranh chấp nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do đó, đại diện Ngân hàng xin vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

* Chị Phan Thị H trình bày: Ngày 03/02/2014, chị có cho chị Huỳnh Hồng Th vay 300.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, khi vay, chị Th có viết biên nhận nợ cho chị. Quá trình vay đến nay, chị Th chưa trả vốn và lãi cho chị. Chị xác định mối quan hệ vay nợ giữa chị và chị Th là khoản nợ cá nhân của chị Th, hiện chưa phát sinh tranh chấp nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do bận việc gia đình nên chị xin vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị không khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Ng không đăng ký kết hôn theo quy định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc khác, anh Ng có địa chỉ tại khóm 1, thị trấn Năm C, huyện Năm C, tỉnh Y, nơi làm việc: Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc H, tỉnh Y, lẽ ra vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm C hoặc huyện Ngọc H, tỉnh Y. Tuy nhiên, anh Ng có yêu cầu để Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc xin vắng mặt trong quá trình tố tụng của đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TH T và chị Phan Thị H, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng và chị H theo luật định là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Huỳnh Hồng Th và anh Lưu Trung Ng có quen biết nhau và nảy sinh tình cảm, sau đó chung sống với nhau như vợ

chồng từ năm 2012 đến đầu năm 2017, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay chị Th yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống vài năm trước đây, anh, chị luôn nghi kỵ, không tin tưởng nhau rồi thường xuyên cãi vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, chị Th và anh Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị đã tự ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Theo quy định tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con, tài sản ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng anh, chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Ng xác định giữa anh, chị không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Th xác định tài sản chung của chị và anh Ng gồm: 01 xe SH 150i biển kiểm soát 69K1-077.78 do anh Ng đứng tên, trị giá 120.000.000đ; 01 tủ lạnh Sam sung trị giá 5.000.000đ; 01 dàn Karaoke (gồm Tivi, đầu đĩa, loa) trị giá 10.000.000đ; 01 bộ salon trị giá 10.000.000đ; 01 máy lạnh Mitsubishi trị giá 4.000.000đ. Chị yêu cầu chia đôi các tài sản trên. Anh Ng xác định các tài sản nêu trên là tài sản riêng của anh nên không đồng ý phân chia.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Các tài sản gồm đất, nhà, xe, tủ lạnh, dàn karaoke, salon, máy lạnh là những tài sản do chị Th và anh Ng tạo ra trong thời kỳ anh, chị chung sống vợ chồng với nhau. Theo Điều 43 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định tại các điều 38, 39 và 40 của Luật này. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật thì tài sản của chị Th và anh Ng tranh chấp được xem là khối tài sản chung của vợ chồng được quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2017, chị Th và anh Ng thống nhất xác định phần đất và căn nhà cất trên đất tọa lạc tại số 102, Nguyễn Trãi, khóm 2, phường 9, thành phố C, tỉnh Y là tài sản riêng của chị Th; xe SH 150i biển

kiểm soát 69K1-077.78 do anh Ng đứng tên là tài sản riêng của anh Ng nên anh, chị không đặt ra yêu cầu phân chia đối với tài sản này. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận thống nhất ý chí giữa đôi bên là phù hợp pháp luật, đồng thời đây cũng là quyền tự định đoạt tài sản của các đương sự. Do đó, việc chị Th đặt ra yêu cầu phân chia đối với chiếc xe SH 150i là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với các tài sản còn lại gồm: 01 tủ lạnh Sam sung trị giá 5.000.000đ; 01 dàn Karaoke (gồm Tivi, đầu đĩa, loa) trị giá 10.000.000đ; 01 bộ salon trị giá 10.000.000đ; 01 máy lạnh Mitsubishi trị giá 4.000.000đ. Như phân tích nêu trên, các tài sản này do anh Ng, chị Th tạo ra trong thời kỳ anh, chị chung sống với nhau như vợ, chồng, cùng sử dụng chung vào mục đích sinh hoạt gia đình, không ai đăng ký hoặc xác lập tài sản riêng của mình. Vì vậy, số tài sản này được chia đôi cho mỗi bên là có căn cứ. Hiện các tài sản chị Th đang quản lý, sử dụng nên tiếp tục giao chị Th quản lý và sử dụng, chị Th có nghĩa vụ giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản cho anh Ng theo giá đã thỏa thuận là phù hợp.

[5] Về nợ chung: Chị Th khai rằng giữa chị và anh Ng có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TH T chi nhánh Cà Mau số tiền 350.000.000đ; nợ chị Phan Thị H số tiền 190.000.000đ. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu Tòa án buộc anh Ng phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cùng chị. Anh Ng xác định đây là khoản nợ riêng của chị Th, không phải là trách nhiệm của anh nên anh không đồng ý trả nợ cùng chị Th.

Hội đồng xét xử xét thấy, các khoản nợ trên hiện Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TH T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không đề cập giải quyết. Trường hợp giữa Ngân hàng, chị H và chị Th, anh Ng có phát sinh tranh chấp về khoản nợ, quyền, nghĩa vụ thanh toán nợ của các bên thì Tòa án thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với khoản nợ của người khác nợ lại, hiện chị Th và anh Ng không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Nhà và đất tại số 102, Nguyễn Trãi, khóm 2, phường 9, thành phố C được anh Ng xác nhận trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa là tài sản riêng của chị Th nên đề nghị công nhận. Đối với xe và các tài sản sinh hoạt gia đình do chị Th xuất tiền ra mua, đồng thời các tài sản này được tạo ra trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình chung sống, anh Ng không đăng ký hay xác lập các tài sản này là tài sản riêng của anh Ng nên có cơ sở xác định đây là các tài sản chung của vợ chồng, phù hợp với điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên phải phân chia cho chị Th là phù hợp. Đối với khoản nợ được xác lập trong thời kỳ hôn nhân, dùng để mua sắm các tài sản chung của vợ chồng nên buộc anh Ng có trách nhiệm cùng trả nợ với chị Th là phù hợp. Từ nội dung trên, kiến nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27, 30, 33, 43, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự công nhận nhà và đất tại số 102, Nguyễn Trãi, khóm 2, phường 9, thành phố C là tài sản riêng của chị Th. Xe SH 150i biển kiểm soát 69K1-077.78 và các tài sản khác giao chị Th toàn quyền quản lý, sử dụng. Chị Th giao lại anh Ng $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản. Buộc anh Ng có nghĩa vụ cùng trả các khoản nợ với chị Th.

Như phân tích và nhận định nêu trên, xe SH 150i đã được chị Th xác định tại biên bản hòa giải là tài sản riêng của anh Ng; các khoản nợ hiện các chủ nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không có cơ sở chấp nhận lời kiến nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chị Th và anh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc yêu cầu phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh Ng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật kể từ ngày tuyên án. Đại diện Ngân hàng và chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 17 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000;
- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 16; Điều 33, Điều 43 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Áp dụng Điều 213 của Bộ luật dân sự;
- Áp dụng điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;
- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a, b, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Hồng Th (Huỳnh) và anh Lưu Trung Ng.

2 - Về con chung: Chị Th và anh Ng xác định không có nên không xem xét.

3 - Về tài sản chung: Giao chị Th có toàn quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm: Phần đất và căn nhà cất trên đất tọa lạc tại số 102, Nguyễn Trãi, khóm 2, phường 9, thành phố C, tỉnh Y theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 065858 do UBND thành phố C cấp ngày 05/7/2013; 01 tủ lạnh Sam sung; 01 dàn Karaoke (gồm Tivi, đầu đĩa, loa); 01 bộ salon; 01 máy lạnh Mitsubishi. Giao anh Ng có toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản là 01 xe SH 150i biển kiểm soát 69K1-077.78 do anh Ng đứng tên. Buộc chị Th có nghĩa vụ giao lại cho anh Ng 01 xe SH 150i biển kiểm soát 69K1-077.78 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe do anh Ng đứng tên sở hữu đồng thời chị Th có trách nhiệm hoàn lại cho anh Ng tổng giá trị các tài sản là 14.500.000đ.

Kể từ ngày anh Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Th không tự nguyện giao khoản tiền nêu trên cho anh Ng thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc phân chia giá trị chiếc xe SH 150i với số tiền 60.000.000đ.

4 - Về nợ chung: Do các chủ nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Th phải chịu 300.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc yêu cầu phân chia tài sản buộc chị Th phải chịu 725.000đ. Ngày 10 tháng 8 năm 2017, chị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 3529 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước, chị Th phải nộp tiếp 725.000đ. Anh Ng phải chịu 725.000đ (chưa nộp).

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện Ngân hàng TH mại cổ phần Sài Gòn TH T và chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Minh Hải